

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM	ANH	-	1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ANH	1	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	-	3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	2	7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	09223006	LÊ KIM	DE	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỄM	1	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	09223007	NGUYỄN THÚY	DOAN	2	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	09223008	ĐÀO THỊ	DUNG	-	8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	09223009	VÕ THỊ MINH	DUYÊN	-	9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	09223010	NGUYỄN HỒNG	ĐAM	2	7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	09223107	BÙI MINH	ĐOÀN	-	11	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GAM	1	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15	09223018	NGUYỄN THỊ	HẠNH	2	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	1	1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17	09223020	LÊ TRẦN NGỌC	HIỀN	-	17	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	1	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19	09223022	PHẠM THỊ	HIỀN	-	19	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	09223023	TRƯƠNG THANH	HIỀN	2	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	-	22	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	1	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24	09223117	LÊ THỊ	HỒNG	1	1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25	09223027	HUỲNH THỊ BÍCH	HUỆ	2	7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26	09223019	ĐÌNH VĂN	HÙNG	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	1	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28	09223119	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	-	28	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	1	1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	1	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32	09223029	LÊ THỊ	KHANH	2	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Ớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

lôn Học

Toán cao cấp C1 (202114-04)

BGD

TT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	
33	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	2	7	1	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	1	2	2	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	2	7	3	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09223118	PHẠM THỊ MỸ	LÊ	-	-	4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	2	7	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	2	7	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	1	7	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09223035	NGUYỄN THÙY	LINH	1	1	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	1	1	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09223036	PHẠM THIÊN	LUẬN	-	-	10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	2	7	11	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09223030	NGUYỄN NĂNG	LƯƠNG	-	-	12	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09223038	NGUYỄN THỊ	LY	-	-	13	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09223039	TRẦN THỊ	MIÊU	-	-	14	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09223109	TRẦN THANH	MỸ	1	1	15	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09223040	LÊ HẢI	NAM	1	1	16	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09223108	HỒ THỊ	NGA	2	4	17	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09223042	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	2	6	18	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09223041	NGUYỄN THUY HỒNG	NGA	-	-	19	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	1	1	20	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09223043	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	3	5	21	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09223044	ĐÌNH THỊ QUYẾN	NGỌC	2	3	22	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09223045	LÊ BÍCH	NGỌC	-	-	23	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	1	1	24	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	2	2	25	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	-	-	26	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09223049	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	-	-	27	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	1	1	28	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	2	8	29	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09223116	HỒ THỊ	OANH	2	5	30	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	1	5	31	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09223052	LÊ THỊ	PHƯƠNG	2	7	32	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

46/67

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

2011-8-1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223053	TRẦN THÁI LAN	PHƯƠNG		vắng	1
66	09223055	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	2	5	2
67	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	2	6	3
68	09223057	LÊ THỊ	QUYÊN	2	7	4
69	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYÊN	1	1	5
70	09223059	PHẠM THỊ CẨM	QUYÊN	1	2	6
71	09223060	ĐẶNG THANH	SƠN	3	9	7
72	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	1	2	8
73	09223068	ĐOÀN THỊ	THANH	1	1	9
74	09223069	NGÔ THỊ	THANH	2	4	10
75	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	2	5	11
76	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	1	4	12
77	09223072	PHẠM THỊ	THANH	2	vắng	13
78	09223064	NGÔ TÂN	THÀNH	2	3	14
79	09223114	NGUYỄN NGỌC	THẢO	0	vắng	15
80	09223065	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	3	10	16
81	09223066	TRẦN THỊ LOAN	THẢO	1	vắng	17
82	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	2	5	18
83	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM	THỊ	1	vắng	19
84	09223078	LÊ THỊ KIM	THOẠI	1	vắng	20
85	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	1	5	21
86	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	1	5	22
87	09223074	DƯƠNG THỊ THU	THÚY	2	5	23
88	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÚY	2	5	24
89	09223076	LÊ THỊ	THÚY	2	5	25
90	09223077	NGUYỄN HỮU	THÚY	2	3	26
91	09223079	HUỖNH THỊ TRUNG	THÚY	1	vắng	27
92	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	2	5	28
93	09223081	NGUYỄN THỊ THANH 11/11/87	THÚY	3	7	29
94	09223082	NGUYỄN THỊ THANH 6/6/87	THÚY	2	7	30
95	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ	TIỆN	1	4	31
96	09223062	NGUYỄN VĂN	TÍNH	2	4	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09223087	MAC THI THU	TRANG	1	1	1
98	09223088	PHAM HỒNG	TRANG	2	7	2
99	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG	1	2	3
100	09223086	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRÂM	2	6	4
101	09223090	ĐẶNG HOÀNG MAI	TRINH	2	6	5
102	09223091	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	2	6	6
103	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	2	6	7
104	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	2	3	8
105	09223093	BÙI THỊ TÚ	UYÊN	2	5	9
106	09223115	CHU CẨM	VÂN	2	1	10
107	09223094	HUỲNH THUY TRÚC	VÂN	2	1	11
108	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	1	1	12
109	09223096	PHAAM THỊ CẨM	VÂN	3	8	13
110	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI	1	3	14
111	09223100	ĐÌNH QUỐC	VIỆT	1	5	15
112	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	3	16
113	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	2	6	17
114	09223101	ĐỖ LÊ HỒNG	VY	2	9	18
115	09223102	NGÔ THỊ	XUÂN	1	6	19
116	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	2	5	20
117	09223104	HUỲNH NGỌC	YẾN	2	7	21
118	09223105	LÊ THỊ KIM	YẾN	3	7	22
119	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	1	2	23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

92 bài / 147

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-25)

CBGD Nguyễn Văn Trọn (611)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM	ANH	✓	1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09223001	TRẦN THỊ LÊ	ÁNH	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	✓	3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09223006	LÊ KIM	DE	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỆM	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09223007	NGUYỄN THÚY	DOAN	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09223008	ĐÀO THỊ	DUNG	✓	8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09223009	VÕ THỊ MINH	DUYỀN	✓	9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09223010	NGUYỄN HỒNG	ĐẬM	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09223107	BÙI MINH	ĐOÀN	✓	11	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HANH	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09223018	NGUYỄN THỊ	HANH	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09223020	LÊ TRẦN NGỌC	HIỀN	✓	17	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09223022	PHẠM THỊ	HIỀN	✓	19	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09223023	TRƯƠNG THANH	HIỀN	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	✓	22	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09223027	HUỲNH THỊ BÍCH	HUỆ	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09223019	ĐINH VĂN	HÙNG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09223029	LÊ THỊ	KHANH	✓	2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	✓	1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-25)

CBGD Nguyễn Văn Trọn (611)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	2 Chín	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	2 Chín	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	1 Tám	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	1 Bảy	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09223035	NGUYỄN THÙY	LINH	2 Sáu	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	2 Bảy	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09223036	PHẠM THIÊN	LƯU	✓	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	2 Tám	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09223038	NGUYỄN NĂNG	LƯƠNG	✓	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09223038	NGUYỄN THỊ	LY	✓	10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09223039	TRẦN THỊ	MIÊU	✓	11	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09223109	TRẦN THANH	MỸ	1 Tám	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09223040	LÊ HẢI	NAM	2 Chín	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09223108	HỒ THỊ	NGA	2 Chín	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09223042	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	1 Tám	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09223041	NGUYỄN THUY HỒNG	NGA	✓	16	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	1 Tám	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09223043	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	1 Tám	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09223044	ĐINH THỊ QUYẾN	NGỌC	1 Tám	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09223045	LÊ BÍCH	NGỌC	✓	20	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	1 Bảy	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	1 Bảy	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	✓	23	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09223049	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	✓	24	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	1 Bảy	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1 Bảy	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09223116	HỒ THỊ	OANH	1 Sáu	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	2 Bảy	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09223052	LÊ THỊ	PHƯƠNG	1 Tám	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09223053	TRẦN THÁI LAN	PHƯƠNG	✓	30	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09223055	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	2 Tám	31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	1 Tám	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

48/64

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-25)

CBGD Nguyễn Văn Trọn (611)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223057	LÊ THỊ	QUYÊN	1	Tám	1
66	09223058	NGUYỄN TỐ	QUYÊN	1	Bảy	2
67	09223059	PHẠM THỊ CẨM	QUYÊN	1	Tám	3
68	09223060	ĐẶNG THANH	SƠN	2	Chín	4
69	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	1	Bảy	5
70	09223068	ĐOÀN THỊ	THANH	1	Bảy	6
71	09223069	NGÔ THỊ	THANH	2	Chín	7
72	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	1	Chín	8
73	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	2	Chín	9
74	09223072	PHẠM THỊ	THANH			10
75	09223064	NGÔ TẤN	THÀNH	1	Bảy	11
76	09223114	NGUYỄN NGỌC	THẢO			12
77	09223065	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	2	Tám	13
78	09223066	TRẦN THỊ LOAN	THẢO			14
79	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	1	Chín	15
80	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM	THỊ			16
81	09223078	LÊ THỊ KIM	THOÀ			17
82	09223063	PHẠM NGỌC	THƠ	2	Chín	18
83	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	2	Chín	19
84	09223074	DƯƠNG THỊ THU	THÙY	1	Tám	20
85	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	1	Bảy	21
86	09223076	LÊ THỊ	THÙY	2	Chín	22
87	09223077	NGUYỄN HỮU	THÙY	2	Chín	23
88	09223079	HUỖNH THỊ TRUNG	THÙY			24
89	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	1	Bảy	25
90	09223081	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	2	Bảy	26
91	09223082	NGUYỄN THỊ THANH 616/88	THÚY	1	Tám	27
92	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ	TIỀN	1	Bảy	28
93	09223062	NGUYỄN VĂN	TÌNH	2	Tám	29
94	09223087	MẠC THỊ THU	TRANG	1	Bảy	30
95	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	2	Chín	31
96	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG		Bảy	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học
CBGD

Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-25)
Nguyễn Văn Trọn (611)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09223086	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRÂM	1	Chín	1
98	09223090	ĐẶNG HOÀNG MAI	TRINH	1	Bảy	2
99	09223091	NGUYỄN HIẾU	TRUNG			3
100	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	1	Bảy	4
101	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	2	Bảy	5
102	09223093	BÙI THỊ TÚ	UYÊN	2	Tám	6
103	09223115	CHU CẨM	VÂN	1	Tám	7
104	09223094	HUỖNH THỤY TRÚC	VÂN			8
105	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	1	Sáu	9
106	09223096	PHAAM THỊ CẨM	VÂN	1	Tám	10
107	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI	1	Bảy	11
108	09223100	ĐINH QUỐC	VIỆT	1	Bảy	12
109	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	Bảy	13
110	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	2	Bảy	14
111	09223101	ĐỖ LÊ HỒNG	VY	2	Chín	15
112	09223102	NGÔ THỊ	XUÂN	1	Bảy	16
113	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	1	Tám	17
114	09223104	HUỖNH NGỌC	YÊN	1	Tám	18
115	09223105	LÊ THỊ KIM	YÊN	1	Tám	19
116	09223106	NGUYỄN NGỌC	YÊN	1	Bảy	20
117		LÊ THỊ HỒNG	HỒNG	1	Chín	21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tở	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM	ANH	✓	1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	✓	3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	✓	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	09223006	LÊ KIM	DỄ	✓	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỄM	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	09223007	NGUYỄN THÚY	DOAN	✓	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	09223008	ĐÀO THỊ	DUNG	✓	8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	09223009	VÕ THỊ MINH	DUYÊN	✓	9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	09223010	NGUYỄN HỒNG	ĐẬM	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	09223107	BÙI MINH	ĐOÀN	✓	11	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15	09223018	NGUYỄN THỊ	HANH	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	✓	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17	09223020	LÊ TRẦN NGỌC	HIỀN	✓	17	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19	09223022	PHẠM THỊ	HIỀN	✓	19	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	09223023	TRƯƠNG THANH	HIỀN	✓	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA	✓	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	✓	22	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24	09223027	HUỲNH THỊ BÍCH	HUỆ	✓	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25	09223019	ĐINH VĂN	HÙNG	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	✓	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	✓	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	✓	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30	09223029	LÊ THỊ	KHANH	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	✓	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	✓	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	5	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	5	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	4	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	5	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09223035	NGUYỄN THÙY	LINH	3	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢT	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09223036	PHẠM THIÊN	LUẬN	✓	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYỄN	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09223030	NGUYỄN NĂNG	LƯƠNG	✓	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09223038	NGUYỄN THỊ	LY	✓	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09223039	TRẦN THỊ	MIÊU	✓	11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09223109	TRẦN THANH	MỸ	3	12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09223040	LÊ HẢI	NAM	5	13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09223108	HỒ THỊ	NGA	5	14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09223042	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	7	15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09223041	NGUYỄN THUY HỒNG	NGA	✓	16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	4	17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09223043	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	8	18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09223044	ĐÌNH THỊ QUYẾN	NGỌC	4	19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09223045	LÊ BÍCH	NGỌC	✓	20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	4	21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	4	22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	✓	23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09223049	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	✓	24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	4	25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	4	26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09223116	HỒ THỊ	OANH	4	27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	4	28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09223052	LÊ THỊ	PHƯƠNG	4	29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09223053	TRẦN THÁI LAN	PHƯƠNG	✓	30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09223055	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	8	31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	5	32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223057	LÊ THỊ	QUYÊN	6	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYÊN	4	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09223059	PHẠM THỊ CẨM	QUYÊN	6	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09223060	ĐẶNG THANH	SƠN	8	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09223068	ĐOÀN THỊ	THANH	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09223069	NGÔ THỊ	THANH	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	4	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09223071	NGUYỄN THỊ LÊ	THANH	4	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09223072	PHẠM THỊ	THANH	.	10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09223064	NGÔ TẤN	THÀNH	5	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09223114	NGUYỄN NGỌC	THẢO	.	12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09223065	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	8	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09223066	TRẦN THỊ LOAN	THẢO	.	14	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	4	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM	THỊ	.	16	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09223078	LÊ THỊ KIM	THOÀ	.	17	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	5	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	5	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09223074	DƯƠNG THỊ THU	THÚY	6	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÚY	4	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09223076	LÊ THỊ	THÚY	5	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09223077	NGUYỄN HỮU	THÚY	6	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09223079	HUỲNH THỊ TRUNG	THÚY	.	24	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	7	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09223081	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	4	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09223082	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	5	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ	TIÊN	5	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09223062	NGUYỄN VĂN	TÌNH	5	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09223087	MẠC THỊ THÚ	TRANG	5	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	6	31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG	5	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09223086	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRÂM	6	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09223090	ĐẶNG HOÀNG MAI	TRINH	8	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09223091	NGUYỄN HIẾU	TRUNG		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	6	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	6	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09223093	BÙI THỊ TÚ	UYÊN	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09223115	CHU CẨM	VÂN	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09223094	HUỶNH THUY TRÚC	VÂN		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	6	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09223096	PHAAM THỊ CẨM	VÂN	7	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI	4	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09223100	ĐINH QUỐC	VIỆT	3	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09223101	ĐỖ LÊ HỒNG	VY	6	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09223102	NGÔ THỊ	XUÂN	7	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYỄN	6	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09223104	HUỶNH NGỌC	YÊN	5	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09223105	LÊ THỊ KIM	YÊN	6	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09223106	NGUYỄN NGỌC	YÊN	5	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09223117	LÊ THỊ	HỒNG	5	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-13)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM	ANH		V	1
2	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	1	7	2
3	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN		V	3
4	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	1	5	4
5	09223006	LÊ KIM	DÊ	1	5	5
6	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỆM	1	6	6
7	09223007	NGUYỄN THÚY	DOAN	1	5	7
8	09223008	ĐÀO THỊ	DUNG		V	8
9	09223009	VÕ THỊ MINH	DUYÊN		V	9
10	09223010	NGUYỄN HỒNG	ĐÂM	1	7	10
11	09223107	BÙI MINH	ĐOÀN		V	11
12	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	1	5	12
13	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	1	5	13
14	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	2	8	14
15	09223018	NGUYỄN THỊ	HẠNH	1	5	15
16	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	1	5	16
17	09223020	LÊ TRẦN NGỌC	HIỀN		V	17
18	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	1	7	18
19	09223022	PHẠM THỊ	HIỀN		V	19
20	09223023	TRƯƠNG THANH	HIỀN	1	8	20
21	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA	1	6	21
22	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI		V	22
23	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	2	9	23
24	09223027	HUỲNH THỊ BÍCH	HUỆ	1	8	24
25	09223019	ĐÌNH VĂN	HÙNG	1	8	25
26	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	1	7	26
27	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	1	7	27
28	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	1	5	28
29	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	1	7	29
30	09223029	LÊ THỊ	KHANH	1	9	30
31	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	1	6	31
32	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	1	5	32

48/52

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-13)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	2	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	1	9	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	1	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	1	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09223035	NGUYỄN THUY	LINH	1	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	1	8	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09223036	PHẠM THIÊN	LUẬN		V	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYỄN	1	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09223030	NGUYỄN NĂNG	LƯƠNG		V	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09223038	NGUYỄN THỊ	LY		V	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09223039	TRẦN THỊ	MIÊU		V	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09223109	TRẦN THANH	MỸ	1	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09223040	LÊ HẢI	NAM	1	8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09223108	HỒ THỊ	NGA	2	9	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09223042	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	1	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09223041	NGUYỄN THUY HỒNG	NGA		V	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	1	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09223043	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	1	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09223044	ĐINH THỊ QUYẾN	NGỌC	1	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09223045	LÊ BÍCH	NGỌC		V	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	1	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG		V	23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09223049	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG		V	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	1	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09223116	HỒ THỊ	OANH	1	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	1	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09223052	LÊ THỊ	PHƯƠNG	1	7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09223053	TRẦN THÁI LAN	PHƯƠNG		V	30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09223055	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	1	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	1	3	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-13)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223057	LÊ THỊ QUYÊN		1	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09223058	NGUYỄN TỔ QUYÊN		1	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09223059	PHẠM THỊ CẨM		1	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09223060	ĐẶNG THANH SƠN		1	8	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO		1	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09223068	ĐOÀN THỊ THANH		1	4	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09223069	NGÔ THỊ THANH		2	8	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG		1	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ		1	7	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09223072	PHẠM THỊ THANH		1	V	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09223064	NGÔ TẤN THÀNH		1	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09223114	NGUYỄN NGỌC THẢO		1	V	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09223065	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		1	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09223066	TRẦN THỊ LOAN		1	V	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09223067	LÊ THỊ THẮNG		1	7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM		1	V	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09223078	LÊ THỊ KIM		1	V	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09223063	PHAN NGỌC THƠ		1	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09223083	LÊ THỊ THANH		2	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09223074	DƯƠNG THỊ THU		1	7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG		1	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09223076	LÊ THỊ THỦY		1	8	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09223077	NGUYỄN HỮU THỦY		2	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09223079	HUỖNH THỊ TRUNG		2	V	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC		1	7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09223081	NGUYỄN THỊ THANH 11/21/82		1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09223082	NGUYỄN THỊ THANH 6/6/82		1	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ		1	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09223062	NGUYỄN VĂN TÌNH		1	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09223087	MẠC THỊ THU		1	5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09223088	PHẠM HỒNG		1	8	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09223089	PHÙNG THỊ		1	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-13)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09223086	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRÂM	1	5	1
98	09223090	ĐẶNG HOÀNG MAI	TRINH	1	8	2
99	09223091	NGUYỄN HIẾU	TRUNG			3
100	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	1	7	4
101	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	1	5	5
102	09223093	BÙI THỊ TÚ	UYÊN	1	7	6
103	09223115	CHU CẨM	VÂN	1	6	7
104	09223094	HUỖNH THUY TRÚC	VÂN			8
105	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	1	4	9
106	09223096	PHAAM THỊ CẨM	VÂN	1	9	10
107	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI	1	5	11
108	09223100	ĐINH QUỐC	VIỆT	1	6	12
109	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	5	13
110	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	1	6	14
111	09223101	ĐỖ LÊ HỒNG	VY	1	9	15
112	09223102	NGÔ THỊ	XUÂN	1	9	16
113	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	1	8	17
114	09223104	HUỖNH NGỌC	YÊN	1	6	18
115	09223105	LÊ THỊ KIM	YÊN	1	7	19
116	09223106	NGUYỄN NGỌC	YÊN	1	6	20
117	LÊ THỊ	HỒNG			6	21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

92 bài
99 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-13)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tở	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM ANH	✓			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG AN	✓			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09223008	ĐÀO THỊ DUNG	✓			3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09223009	VÕ THỊ MINH DUYÊN	✓			4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09223107	BÙI MINH ĐOÀN	✓			5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09223020	LÊ TRẦN NGỌC HIỀN	✓			6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09223022	PHẠM THỊ HIỀN	✓			7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09223024	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	✓			8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09223036	PHẠM THIÊN LUẬN	✓			9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09223030	NGUYỄN NĂNG LƯƠNG	✓			10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09223038	NGUYỄN THỊ LY	✓			11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09223039	TRẦN THỊ MIÊU	✓			12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09223041	NGUYỄN THỤY HỒNG	✓			13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09223045	LÊ BÍCH NGỌC	✓			14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	✓			15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09223049	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	✓			16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09223053	TRẦN THÁI LAN PHƯƠNG	✓			17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09223056	LỤC VƯƠNG QUẾ	2	Quế	5	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09223068	ĐOÀN THỊ THANH	1	Thanh	5	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09223072	PHẠM THỊ THANH	✓			20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09223114	NGUYỄN NGỌC THẢO	✓			21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09223066	TRẦN THỊ LOAN THẢO	✓			22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM THI	✓			23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09223078	LÊ THỊ KIM THOA	✓			24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09223079	HUỲNH THỊ TRUNG THÚY	✓			25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09223091	NGUYỄN HIỂU TRUNG	✓			26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09223094	HUỲNH THỤY TRÚC VÂN	✓			27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	✓			28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM ANH	/			1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG AN	/			2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY DIỄM	/	<i>Thuy</i>	5	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09223008	ĐÀO THỊ DUNG	/			4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09223009	VÕ THỊ MINH DUYÊN	/			5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09223107	BÙI MINH ĐOÀN	/			6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09223011	LÊ THỊ HỒNG GÁM	/	<i>L. G.</i>	5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09223012	TRẦN THỊ GIANG	/	<i>IB</i>	4	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ HẠNH	/	<i>My H.</i>	5	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09223018	NGUYỄN THỊ HẠNH	/	<i>Ha H.</i>	5	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09223020	LÊ TRẦN NGỌC HIỀN	/			11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09223022	PHẠM THỊ HIỀN	/			12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09223024	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	/			13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09223016	VŨ THỊ LIÊN HƯƠNG	/	<i>Huong</i>	5	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09223032	TRẦN NGỌC LANH	/	<i>Lan</i>	5	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09223112	LÊ THỊ LIÊU	/	<i>Lieu</i>	5	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09223035	NGUYỄN THÙY LINH	/	<i>Thuy</i>	5	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09223036	PHẠM THIÊN LUÂN	/			18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09223030	NGUYỄN NĂNG LƯƠNG	/			19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09223038	NGUYỄN THỊ LY	/			20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09223039	TRẦN THỊ MIÊU	/			21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09223109	TRẦN THANH MỸ	/	<i>Thm</i>	5	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09223041	NGUYỄN THỤY HỒNG NGÀ	/			23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09223046	NGUYỄN THỊ NGÂN	/	<i>Ngan</i>	5	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09223044	ĐINH THỊ QUYẾN NGỌC	/	<i>Q</i>	4	25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09223045	LÊ BÍCH NGỌC	/			26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09223111	HỒ THỊ THANH NGUYỄN	/	<i>Thanh</i>	5	27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09223047	LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	/	<i>Anh</i>	5	28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	/			29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09223049	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	/			30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH NHUNG	/	<i>Anh</i>	5	31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	/	<i>Thm</i>	5	32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04959

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R26/10 (2-10)

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-54)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223116	HỒ THỊ OANH		<i>Oanh</i>	5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09223054	NGÔ QUỲNH PHA		<i>Quỳnh</i>	5	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09223052	LÊ THỊ PHƯƠNG		<i>Phuoc</i>	5	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09223053	TRẦN THÁI LAN				4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09223058	NGUYỄN TỔ QUYÊN		<i>LC</i>	5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG THANH		<i>SV</i>	5	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ THANH		<i>Thanh</i>	6	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09223072	PHẠM THỊ THANH				8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09223114	NGUYỄN NGỌC THẢO				9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09223066	TRẦN THỊ LOAN THẢO				10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09223067	LÊ THỊ THẮNG		<i>han</i>	6	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM THI				12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09223078	LÊ THỊ KIM THOA				13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG THÚY		<i>Thuy</i>	5	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09223079	HUỲNH THỊ TRUNG THÚY				15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09223081	NGUYỄN THỊ THANH THÚY		<i>Thuy</i>	5	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09223091	NGUYỄN HIẾU TRUNG				17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09223093	BÙI THỊ TÚ UYÊN		<i>Thuy</i>	5	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09223094	HUỲNH THUY TRÚC VÂN				19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY VI				20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09223098	NGUYỄN HÀ VINH		<i>Thuy</i>	6	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09223006	Lê Kim Đan			5	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09223100	Đinh Quốc Việt			5	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09223004	Nguyễn T. Ngọc Bích			5	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09223013	Nguyễn T. Ngọc Hân			5	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09223007	Nguyễn Phú Doan			5	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ANH	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223003	ĐẶNG THỊ KIM	ANH			✓	1 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09223002	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN			✓	2 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09223006	LÊ KIM	ĐỀ	1	Kim	3	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09223008	ĐÀO THỊ	DUNG			✓	4 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09223009	VÕ THỊ MINH	DUYÊN			✓	5 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09223107	BÙI MINH	ĐOÀN			✓	6 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	1	Trần	5	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HÀNH	1	Dương	8	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	2	Ngọc	3	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09223020	LÊ TRẦN NGỌC	HIỀN			✓	10 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	2	Lin	9	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09223022	PHẠM THỊ	HIỀN			✓	12 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA	1	Thanh	2	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI			✓	14 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09223117	LÊ THỊ	HỒNG	2	Thị	7	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09223019	ĐINH VĂN	HÙNG	2	Văn	6	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	2	Thiên	5	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09223119	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG			✓	18 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	2	Thu	6	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	2	Hương	7	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	2	Liên	9	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	1	Ngọc	2	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09223118	PHẠM THỊ MỸ	LỆ			✓	23 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09223035	NGUYỄN THÙY	LINH	2	Thùy	5	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	2	Mỹ	3	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09223036	PHẠM THIÊN	LUẬN			✓	26 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09223030	NGUYỄN NĂNG	LƯƠNG			✓	27 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09223038	NGUYỄN THỊ	LY			✓	28 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	09223039	TRẦN THỊ	MİEU			✓	29 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	09223109	TRẦN THANH	MỸ	3	Thanh	8	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	09223040	LÊ HẢI	NAM	2	Hải	5	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	09223108	HỒ THỊ	NGA	3	Thị	8	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223041	NGUYỄN THUY HỒNG	NGA		✓	1 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	2	5	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
35	09223044	ĐÌNH THỊ QUYẾN	NGỌC	2	9	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) ● (10)
36	09223045	LÊ BÍCH	NGỌC		✓	4 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	2	7	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) ● (8) (9) (10)
38	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	3	6	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) ● (7) (8) (9) (10)
39	09223048	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG		✓	7 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09223049	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG		✓	8 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	3	5	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
42	09223053	TRẦN THÁI LAN	PHƯƠNG		✓	10 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYẾN	1	5	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
44	09223059	PHẠM THỊ CẨM	QUYẾN	2	8	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) ● (9) (10)
45	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG		✓	13 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09223068	ĐOÀN THỊ	THANH	2	2	14 (V) (0) (1) ● (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09223069	NGÔ THỊ	THANH	3	5	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
48	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	2	8	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) ● (9) (10)
49	09223072	PHẠM THỊ	THANH		✓	17 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09223064	NGÔ TẤN	THÀNH	2	5	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
51	09223114	NGUYỄN NGỌC	THẢO		✓	19 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09223066	TRẦN THỊ LOAN	THẢO		✓	20 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09223073	NGUYỄN THỊ CẨM	THỊ		✓	21 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09223078	LÊ THỊ KIM	THOẠI		✓	22 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09223077	NGUYỄN HỮU	THÚY	3	7	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) ● (8) (9) (10)
56	09223079	HUỖNH THỊ TRUNG	THÚY		✓	24 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ	TIÊN	2	8	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) ● (9) (10)
58	09223062	NGUYỄN VĂN	TÌNH	2	6	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) ● (7) (8) (9) (10)
59	09223087	MẠC THỊ THU	TRANG	1	5	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
60	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG	2	5	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) ● (6) (7) (8) (9) (10)
61	09223091	NGUYỄN HIẾU	TRUNG		✓	29 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	2	8	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) ● (9) (10)
63	09223115	CHU CẨM	VÂN	2	6	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) ● (7) (8) (9) (10)
64	09223094	HUỖNH THUY TRÚC	VÂN		✓	32 ● (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN			✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY VI			✓	2 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09223098	NGUYỄN HÀ VINH	2	<i>[Signature]</i>	5	3 (V) 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
68	09223106	NGUYỄN NGỌC YẾN	1	<i>[Signature]</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01839

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

28/11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)
Môn Học: Xác suất thống kê (202121-18)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09223001	TRẦN THỊ LỆ	ÁNH	1	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09223004	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	1	3	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08223007	LÊ THỊ	BÔNG		V	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09223006	LÊ KIM	ĐỀ	1	7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09223005	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DIỄM	1	8	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09223007	NGUYỄN THÚY	DOAN	2	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09223010	NGUYỄN HỒNG	ĐẬM	1	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09223011	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	1	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09223012	TRẦN THỊ	GIANG	1	8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09223017	DƯƠNG THỊ MỸ	HÀNH		V	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09223018	NGUYỄN THỊ	HÀNH	1	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09223013	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	1	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09223021	NGUYỄN THỊ LINH	HIỀN	1	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09223023	TRƯƠNG THANH	HIỀN	1	7	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09223026	MAI THỊ THANH	HÒA		V	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09223024	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI		V	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09223025	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	1	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09223117	LÊ THỊ	HỒNG	2	3	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09223027	HUYỀN THỊ BÍCH	HUỆ	1	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09223019	ĐÌNH VĂN	HÙNG	1	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09223014	CAO THỊ THIÊN	HƯƠNG	2	8	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09223015	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09223110	VÕ MAI	HƯƠNG	1	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09223016	VŨ THỊ LIÊN	HƯƠNG	1	6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09223029	LÊ THỊ	KHANH	2	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09223028	HỒNG THIÊN	KHÔI	1	8	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09223032	TRẦN NGỌC	LANH	1	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09223031	NGUYỄN THỊ ÁI	LÊ	1	7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09223033	TRẦN THANH	LIÊM	1	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09223112	LÊ THỊ	LIÊU	2	7	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09223034	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	1	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09223035	NGUYỄN THÙY	LINH	2	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 85 Số tờ: 111 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 11 năm 2010

Trần Thị Thanh Trúc

Phạm Thị Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)
Môn Học: Xác suất thống kê (202121-18)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.TỜ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223113	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	Lợi	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09223037	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	Luyến	8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09223109	TRẦN THANH	MỸ	Trần	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09223040	LÊ HẢI	NAM	Hải	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09223042	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	Thanh	8	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09223046	NGUYỄN THỊ	NGÂN	Ngân	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09223043	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	Khánh	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09223044	ĐINH THỊ QUYẾN	NGỌC	Đinh	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09223111	HỒ THỊ THANH	NGUYỄN	Thanh	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09223047	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	Ánh	7	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09223050	NGUYỄN THỊ ÁNH	NHUNG	Ánh	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09223051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	Hồng	7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09223116	HỒ THỊ	OANH	Hồ	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09223054	NGÔ QUỲNH	PHA	Quỳnh	8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09223052	LÊ THỊ	PHƯƠNG	Thị	7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09223055	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	Thanh	8	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09223056	LỤC VƯƠNG	QUẾ	Vương	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09223057	LÊ THỊ	QUYẾN	Thị	7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09223058	NGUYỄN TỔ	QUYẾN	Tổ	19	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09223059	PHẠM THỊ CẨM	QUYẾN	Phạm	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09223060	ĐẶNG THANH	SƠN	Thanh	9	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09223061	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	Thảo	22	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09223068	ĐOÀN THỊ	THANH	Đoàn	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09223069	NGÔ THỊ	THANH	Thị	8	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09223070	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	Hồng	7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09223071	NGUYỄN THỊ LỆ	THANH	Lệ	7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09223064	NGÔ TẤN	THÀNH	Tấn	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09223065	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	Hương	9	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09223067	LÊ THỊ	THẮNG	Thị	5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09223063	PHAN NGỌC	THƠ	Ngọc	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09223083	LÊ THỊ THANH	THU	Thanh	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09223074	DƯƠNG THỊ THU	THÙY	Thị	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09KETD (Kế toán Thu Dục)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-18)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09223075	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÙY	1	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09223076	LÊ THỊ	THÙY	1	7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09223077	NGUYỄN HỮU	THÙY	2	3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09223080	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	2	7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09223081	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	1	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09223082	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	1	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09223084	NGUYỄN THỊ HÀ	TIÊN	2	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09223062	NGUYỄN VĂN	TÌNH	1	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09223087	MẠC THỊ THU	TRANG	1	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09223088	PHẠM HỒNG	TRANG	1	7	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09223089	PHÙNG THỊ	TRANG	1	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09223086	ĐẶNG THỊ QUỲNH	TRÂM	1	6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09223090	ĐẶNG HOÀNG MAI	TRINH	2	8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09223092	VÕ PHƯƠNG	TRUYỀN	1	7	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09223085	TÀO NGỌC	TÚ	2	6	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09223093	BÙI THỊ TÚ	UYÊN	2	6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09223115	CHU CẨM	VÂN	1	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09223095	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN		✓	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09223096	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	2	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09223097	NGUYỄN THỊ THÚY	VI		✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09223100	ĐINH QUỐC	VIỆT	1	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09223098	NGUYỄN HÀ	VINH	1	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09223099	NGUYỄN THỊ BẢO	VINH	1	7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09223101	ĐỖ LÊ HỒNG	VY	1	8	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09223102	NGÔ THỊ	XUÂN	1	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09223103	VÕ THỊ MINH	XUYẾN	1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09223104	HUỶNH NGỌC	YẾN	1	8	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09223105	LÊ THỊ KIM	YẾN	1	7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	1	7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

M. Duong

Đặng Thị Dành